

Bản án số: 106/2020/HSST

Ngày: 14/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Tùng

2/ Bà Lê Thị Bích Dung

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đinh Quốc Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2020/HSST, ngày 05/02/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1692/2020/QĐXXST-HS, ngày 20/4/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 4007/2020/HSST-QĐ, ngày 06/5/2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Khánh T (tên gọi khác: **Bo**); Giới tính: Nam; Sinh năm: 1982 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 001 Lô A3, chung cư Phan Xích Long, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 38/12 Nguyễn Công Hoan, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Quang N và bà Lê Thị Thu V; Hoàn cảnh gia đình: Có vợ là bà Trần Thị Thùy A và 01 con (sinh năm 2000); Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam ngày 11/4/2019, đến ngày 13/12/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại - Có mặt.

2. Lê Đình T1; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1985 tại tỉnh Vĩnh Long; Thường trú: 140K Phan Văn Trị, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Căn hộ A7/6, số 127 Đinh Tiên Hoàng, Phường Z, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn E (chết) và bà Lê Thị M; Hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ,

tạm giam ngày 11/4/2019, đến ngày 19/12/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại - Có mặt.

3. Trần L; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1965 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 63/16 Bùi Thị Xuân, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần T2 (chết) và bà Nguyễn Thị H; Hoàn cảnh gia đình: Có vợ là bà Vũ Thị Thùy T3 và 02 con (con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 2000); Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam ngày 11/4/2019, đến ngày 13/12/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại - Có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác:

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Thùy A; Sinh năm: 1982.

Thường trú: 557/20 Quốc lộ 13, phường Q, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: 38/12 Nguyễn Công Hoan, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh - Có mặt.

2. Bà Lê Thị Bích V; Sinh năm: 1981.

Thường trú: 702/22 Lê Đức Thọ, Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh - Có mặt.

3. Ông Lê Văn T4; Sinh năm: 1971.

Thường trú: Thôn Phú Trung, xã M, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở: 74/42/1 Trương Quốc Dung, Phường S, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

4. Ông Lê Ngọc P; Sinh năm: 1983

Thường trú: 82/49/6 đường số 2, khu phố 6, phường Q, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

- Người bào chữa:

1. Luật sư Lê Kiến Thiết bào chữa cho bị cáo Lê Đình T1 - Có mặt.

2. Luật sư Lê Nguyễn Quỳnh Thi bào chữa cho bị cáo Trần Khánh T và bị cáo Trần L - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 20 giờ 40 phút, ngày 08/4/2019, Tổ công tác 363 Công an Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra hành chính đối với Trần Khánh T và Lê Đình T1 tại

trước số nhà 45 đường Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Bình Thạnh, phát hiện trong điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen, gắn sim số 0838694669 của Trung; điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng, gắn sim số 0938681661 và điện thoại di động hiệu Iphone 8 màu xám, gắn sim số 0936111155 của Thông có các tin nhắn liên quan đến hành vi ghi số đề và cá độ bóng đá, nên đã bàn giao T và T1 cùng vật chứng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh, để điều tra làm rõ.

Trần Khánh T và Lê Đình T1 khai nhận nội dung tin nhắn trong điện thoại thu giữ của T và T1 là các phôi đề, trong đó có phôi đề T nhận của Trần L, sau đó chuyển cho T1 và Lê Ngọc P. Vì vậy, ngày 09/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra Lệnh khám xét khẩn cấp đối với T, T1 và P.

Thu giữ tại nhà T 450.000.000 đồng, 01 cuốn sổ tay có nội dung liên quan đến hành vi ghi số đề.

Thu giữ tại nhà T1 25.000.000 đồng, 01 tờ giấy A4 có nội dung liên quan đến hành vi cá độ bóng đá.

Thu giữ tại nhà P 01 máy tính hiệu Casio DX1023, 03 cây bút bi, 7.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng đồng (không có thẻ sim), 01 thẻ Ngân hàng Agribank và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng đồng (không có thẻ sim).

Trần L giao nộp 01 điện thoại di động Iphone 7 màu đen, gắn sim số 0903921383, 01 thẻ Ngân hàng Sacombank và 14.500.000 đồng, là những tài sản của Trần Lê liên quan đến hành vi ghi số đề.

Ngày 11/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Trần Khánh T, Lê Đình T1 và Trần L, để điều tra về hành vi “Đánh bạc”.

Kết quả điều tra đã xác định được Trần Khánh T, Lê Đình T1 và Trần L đã thực hiện hành vi “Đánh bạc”, bằng hình thức ghi số đề như sau: Khoảng tháng 3/2018, qua sự giới thiệu của T1, T quen biết Lê Ngọc P làm thầu số đề, nên T thỏa thuận với P sẽ gom số đề từ người chơi số đề, tổng hợp lại giao cho Phú để hưởng hoa hồng, với tỷ lệ là:

- Đối với số đề 02 con số, T giao cho P 75%, Trung hưởng 05%, người chơi số đề được khấu trừ 20%, trên tổng số tiền phôi đề. Tỷ lệ thắng số đề 02 con số là đặt 1 ăn 75 lần.

- Đối với số đề 03 con số hoặc 04 con số, T giao cho P 65,5%, T hưởng 01%, người chơi số đề được khấu trừ 33,5%, trên tổng số tiền phôi đề. Tỷ lệ thắng số đề 03 con số là đặt 1 ăn 650 lần; 04 con số là đặt 1 ăn 5500 lần.

Trần L và Trần Khánh T là bạn bè, L biết T ghi số đề, nên khoảng tháng 10/2018, L nhận phôi đề từ những người chơi số đề, tổng hợp lại giao cho T, để hưởng hoa hồng, với tỷ lệ là:

- Đối với số đề 02 con số, L giao cho T 75,5%, L hưởng 0,5%, người chơi số đề được khấu trừ 24%, trên tổng số tiền phối đề. Tỷ lệ thắng số đề 02 con số là đặt 1 ăn 75 lần.

- Đối với số đề 03 con số hoặc 04 con số, L giao cho T 66,5%, L hưởng 1,5%, người chơi số đề được khấu trừ 32%, trên tổng số tiền phối đề. Tỷ lệ thắng số đề 03 con số là đặt 1 ăn 650 lần; 04 con số là đặt 1 ăn 5000 lần.

Đến tháng 3/2019, do phối đề của Trần Khánh T chuyển cho Lê Ngọc P có lời nhiều, nên T, P và T1 thỏa thuận là T1 và T sẽ hùn tiền với P 20% trên tổng phối đề T chuyển cho P, với tỷ lệ T1 15%, T 05%, để ăn thua trực tiếp với người chơi số đề, hưởng lợi theo tỷ lệ phần hùn.

Hàng ngày, T sử dụng điện thoại di động hiệu Samsung, gắn sim số 0939290036 nhận phối đề của những người ghi số đề, trong đó có phối đề của Trần L gửi bằng điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen, gắn sim số 0903921383. T tổng hợp các phối đề thành phối đề tổng, dùng số điện thoại số 0939290036 gửi vào số điện thoại 0838694669 gắn trên điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen của T (T lưu số điện thoại 0939290036 của T trên điện thoại di động hiệu Samsung, gắn sim số 0838694669 là “Bo”). Sau đó, T dùng số điện thoại 0838694669 gửi phối đề tổng đến số điện thoại 0965693414 của Lê Ngọc P (T lưu trên danh bạ điện thoại là “Phú 2”). Khi tiền ghi số đề thu được từ 30 triệu đồng trở lên thì P chỉ đạo đối tượng tên N (chưa rõ lai lịch) thay P đến thanh toán tiền với T hoặc T sử dụng tài khoản 060143898353 tên Trần Thị Thùy A (vợ T), tại Ngân hàng Sacombank chuyển khoản cho P; Trần L trực tiếp thanh toán tiền ghi số đề cho T; T dùng số điện thoại 0838694669 nhắn tin vào số điện thoại 0938681661 của T1 để thông báo tiền thắng thua trong ngày, sau đó T và T1 thanh toán tiền thắng thua 01 lần/01 tuần vào ngày thứ 2. Lúc 20 giờ 40 phút, ngày 08/4/2019, T và T1 gặp nhau để tính tiền ghi số đề trong tuần thì bị phát hiện, bắt giữ như đã nêu trên.

Kết quả ghi lời khai và kiểm tra nội dung tin nhắn trên điện thoại di động thu giữ của Trần Khánh T, Lê Đình T1 và Trần L, đã xác định được như sau:

- Số tiền Trần Khánh T và Lê Đình T1 sử dụng Đánh bạc, bằng hình thức ghi số đề theo kết quả xổ số Miền Nam và Hà Nội, thể hiện trên phối đề ngày 04/4/2019 là 74.917.000 đồng; ngày 05/4/2019 là 124.986.000 đồng; ngày 06/4/2019 là 153.152.000 đồng; ngày 07/4/2019 là 42.526.000 đồng.

- Ngày 08/4/2019, Trần Khánh T nhận phối đề của Trần L theo kết quả xổ số Miền Nam và Hà Nội với số tiền thể hiện trên phối đề là 20.950.000 đồng, kết quả Lê thua 7.010.000 đồng. Ngoài ra, T và L khai ngày 07/4/2019, Lê thua 15.000.000 đồng tiền ghi số đề và đã trả tiền cho T. Quá trình điều tra, thu giữ được của T số tiền 15.000.000 đồng là tiền số đề L đã trả cho T vào ngày 07/4/2019 và thu giữ được của L số tiền 7.010.000 đồng là tiền thua số đề L dự định trả cho T trong ngày 08/4/2019, nhưng chưa trả kịp trả thì bị phát hiện, bắt giữ như đã nêu trên.

Tính đến ngày 08/4/2019, Trần Khánh T khai thu lợi khoảng 110.000.000 đồng, Lê Đình T1 khai thu lợi khoảng 30.000.000 đồng, Trần L khai thu lợi khoảng 150.000.000 đồng từ việc ghi sổ đề.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Trần Khánh T, Lê Đình T1 và Trần L, khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ:

- 03 (ba) đĩa CD trích xuất dữ liệu phục hồi từ các điện thoại di động thu giữ, chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

Thu giữ của Trần Khánh T:

- 454.500.000 (bốn trăm năm mươi bốn triệu năm trăm ngàn) đồng.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, có số imei 354864091866401, gắn sim số 0935580161.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu tím, có số imei 358131090831067, gắn sim số 0939290036.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen, số imei 355359080821003, gắn sim số 0838694669.
- 01 (một) cuốn sổ tay có nội dung liên quan đến hành vi ghi sổ đề.
- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda SH Mode, biển số 59L2 - 084.33, số máy JF51E0237205, số khung 5123FY015831.

Thu giữ của Lê Đình T1:

- 174.000.000 (một trăm bảy mươi bốn triệu) đồng và 400 (bốn trăm) USD.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng, có số imei 359412085410565, gắn sim số 0938681661.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8 màu xám, có số imei 354832096188881, gắn sim số 0936111155.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu cam, có số imei 1359770/06/762292/3, gắn sim số 0988691279.
- 01 (một) Ipad màu vàng hồng, số Imei 359273060365483.
- 01 (một) tờ giấy A4 có nội dung liên quan đến hành vi cá độ bóng đá.
- 01 (một) bản sao kê Ngân hàng ACB tên Nguyen Kim Quyen.
- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda SH, biển số 54L4-5555, số máy F08E - 1002885, số khung 0A09F - 002962.

Thu giữ của Trần L:

- 14.500.000 (mười bốn triệu năm trăm ngàn) đồng.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen, có số Imei 355357080928943, gắn sim số 0903921383.

- 01 (một) thẻ ngân hàng Sacombank.

Thu giữ của Lê Văn T4:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu hồng, số imei 357766/07/004002/2/01; 357767/07/004002/0/01, gắn sim số 0826798159.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1280, có số seri 359727040297777.

Thu giữ của Lê Ngọc P:

- 7.000.000 (bảy triệu) đồng.
- 01 (một) máy tính hiệu Casio Dx1205.
- 03 (ba) cây bút bi.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng đồng, có số Imei: 354403060231691 (không có thẻ sim).
- 01 (một) thẻ Ngân hàng Agriban.

Bản cáo trạng số: 24/CT-VKS-P2, ngày 14/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

- Bị cáo Trần Khánh T và bị cáo Lê Đình T1 về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.
- Bị cáo Trần L về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích, đánh giá, tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, nêu lên những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Khánh Trung và Lê Đình Thông.

1. Xử phạt bị cáo Trần Khánh T từ 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm tù về tội “Đánh bạc”.

Phạt bị cáo Trần Khánh T số tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Xử phạt bị cáo Lê Đình T1 từ 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm tù về tội “Đánh bạc”.

Phạt bị cáo Lê Đình T1 số tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Lê.

3. Xử phạt bị cáo Trần L từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 3 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Phạt bị cáo Trần L số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về xử lý tang vật:

Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý tang vật theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo đồng ý với đại diện Viện kiểm sát về phần tội danh, khung hình phạt và không tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Riêng bị cáo Trần Lê đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo chỉ hưởng lợi số tiền 30.000.000 đồng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Khánh T thống nhất với đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tội danh và khung hình phạt. Tuy nhiên, luật sư cho rằng mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo T là quá nghiêm khắc. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hợp tác tốt với cơ quan điều tra để giúp cơ quan điều tra hoàn thành kết luận điều tra sớm. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính. Bị cáo đã bị tạm giam, sau đó được trả tự do và tái hòa nhập với cộng đồng trong một thời gian dài và có công việc ổn định. Vì vậy, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án bằng thời gian tạm giam cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần L thống nhất với đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tội danh và khung hình phạt. Bị cáo L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo đã bị tạm giam, sau đó được trả tự do và tái hòa nhập với cộng đồng trong một thời gian dài và có công việc ổn định. Vì vậy, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án bằng thời gian tạm giam. Đồng thời, xem xét lại số tiền thu lợi bất chính của bị cáo L là 30.000.000 đồng, điều này là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay và các tài liệu có trong vụ án.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Đình T1 thống nhất với đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tội danh và khung hình phạt. Trong vụ án này, bị cáo T1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính, bị cáo là lao động chính trong gia đình, có mẹ già, bản thân bị bệnh, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng. Vì vậy, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử không cách ly bị cáo với xã hội, mà cho bị cáo được hưởng

mức án tù bằng thời gian tạm giam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thống nhất với ý kiến bào chữa của các luật sư và không tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các luật sư, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Trần Khánh T, Lê Đình T1 và Trần L khai nhận về hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố. Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và vụ án còn được chứng minh bằng các tài liệu, vật chứng thu giữ và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, bản tự khai, biên bản bắt người phạm tội quả tang... Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng tháng 3/2018, qua sự giới thiệu của Lê Đình T1, Trần Khánh T quen biết Lê Ngọc P làm thầu số đề, nên T thỏa thuận với P sẽ gom số đề từ người chơi số đề, tổng hợp lại giao cho P để hưởng hoa hồng, với tỷ lệ theo thỏa thuận. Bị cáo Trần L biết T ghi số đề, nên khoảng tháng 10/2018, Lê nhận phôi đề từ những người chơi số đề, tổng hợp lại giao cho T, để hưởng hoa hồng, với tỷ lệ theo thỏa thuận. Đến tháng 3/2019, do phôi đề của Trần Khánh T chuyển cho Lê Ngọc P có lời nhiều, nên T, P và Lê Đình T1 thỏa thuận là T1 và T sẽ hùn tiền với Phú 20% trên tổng phôi đề T chuyển cho P, với tỷ lệ T1 15%, T 05%, để ăn thua trực tiếp với người chơi số đề, hưởng lợi theo tỷ lệ phần hùn.

Số tiền Trần Khánh T và Lê Đình T1 sử dụng Đánh bạc, bằng hình thức ghi số đề theo kết quả xổ số Miền Nam và Hà Nội, thể hiện trên phôi đề ngày 04/4/2019 là 74.917.000 đồng; ngày 05/4/2019 là 124.986.000 đồng; ngày

06/4/2019 là 153.152.000 đồng; ngày 07/4/2019 là 42.526.000 đồng. Ngày 08/4/2019, Trần Khánh T nhận phơi đề của Trần L theo kết quả xổ số Miền Nam và Hà Nội với số tiền thể hiện trên phơi đề là 20.950.000 đồng, kết quả L thua 7.010.000 đồng. Ngoài ra, T và L khai ngày 07/4/2019, Lê thua 15.000.000 đồng tiền ghi số đề và đã trả tiền cho T. Tổng số tiền Trần L đã sử dụng để Đánh bạc, bằng hình thức ghi số đề từ ngày 07/4/2019 đến ngày 08/4/2019 là 35.950.000 đồng.

Do đó, đã có đầy đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Trần Khánh T, Lê Đình T1 và Trần L về tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong vụ án này bị cáo Trần L đánh bạc với số tiền dưới 50.000.000 đồng nên cần áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo. các bị cáo Trần Khánh T và Lê Đình T1 đánh bạc với số tiền trên 50.000.000 đồng, nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự và mức án của các bị cáo phải chịu phải hơn bị cáo Trần Lê.

Tội phạm do các bị cáo gây ra là nghiêm trọng, không những xâm phạm an toàn, trật tự công cộng mà còn tạo tiền đề cho các tệ nạn xã hội ngày càng phát triển. Các bị cáo ghi đề với số tiền tương đối lớn. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Trần Khánh T và Lê Đình T1 khai báo thành khẩn; ăn năn hối cải; sau khi phạm tội các bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và cố gắng để khắc phục vi phạm; các bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra khai báo về hành vi liên quan của Lê Ngọc P và của Trần L. Các bị cáo đã bị tạm giam, sau đó được trả tự do và tái hòa nhập với cộng đồng trong một thời gian dài và có công việc ổn định. Do đó có căn cứ để áp dụng cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Đối với bị cáo Trần L có thái độ khai báo thành khẩn; ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nghề nghiệp ổn định, thời gian tại ngoại luôn chấp hành tốt chủ trương chính sách pháp luật của nhà nước nên không cần tiếp tục tạm giam mà xử phạt bị cáo mức án bằng thời gian tạm giam cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Trong vụ án, các bị cáo phạm tội nhiều lần, nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Ngoài hình phạt chính, cần áp dụng thêm khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự phạt bổ sung các bị cáo Trần Khánh T và Lê Đình T1 một khoản tiền để sung vào ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bị cáo Trần Khánh T khai thu lợi khoảng 110.000.000 đồng, bị cáo Lê Đình T1 khai thu lợi khoảng 30.000.000 đồng. Tại phiên tòa xác định lại bị cáo Trần L thu lợi khoảng 30.000.000 đồng từ việc ghi số đề. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính để sung ngân sách Nhà nước.

- Ngày 08/5/2020, bị cáo Lê Đình T1 đã nộp lại số tiền 30.000.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngày 11/5/2020, bị cáo Trần Khánh T đã nộp lại số tiền 110.000.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Còn đối với Lê Ngọc P và đối tượng tên N1, do đã đi khỏi địa phương, chưa ghi được lời khai, trong khi đó kết quả điều tra xác định số điện thoại 0965693414 của P sử dụng do Nguyễn Thị N2 đứng tên đăng ký chủ thuê bao, qua xác minh không xác định nơi ở của N2, nên không ghi được lời khai; điện thoại di động thu giữ tại nhà P có nội dung tin nhắn liên quan đến hành vi ghi số đề, nhưng điện thoại không có thể sim, không có thông tin để xác định P ghi số đề với ai, bao nhiêu tiền, vào thời gian nào; riêng người tên N1 chưa xác định được nhân thân, lai lịch. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã đăng tin truy tìm P và N1, tiếp tục điều tra củng cố chứng cứ và đề nghị xem xét xử lý sau, là có cơ sở.

Kết quả ghi lời khai Lê Đình T1 và trích xuất nội dung tin nhắn trong điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng, số imei 359412085410565, gắn sim số 0938681661 và điện thoại di động hiệu Iphone 8 màu xám, số imei 354832096188881, gắn sim số 0936111155 thu giữ của Thông, thể hiện Thông còn có hành vi Đánh bạc, bằng hình thức cá độ bóng đá trên mạng Internet ăn thua bằng tiền với Nguyễn Mạnh L, Võ Văn T5, Vũ Ngọc H, Nguyễn Ngọc N3, Trần Đức L1, Dư Minh P1, Trần Công K. Nhưng do kết quả ghi lời khai, đối chất giữa T1 với Mạnh L, T5, H, N3, không khai nhận hành vi Đánh bạc như Thông đã khai; còn Đức L1, P1, K, chưa xác định được đang ở đâu, nên chưa ghi được lời khai, trong khi đó không có chứng cứ khác để xác định Thông và những người này đã cá cược bóng đá trận nào, bao nhiêu tiền trong một trận và vào thời gian nào. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra củng cố chứng cứ và đề nghị xem xét xử lý sau, là có cơ sở.

Đối với ông Lê Văn T4 có hành vi mua số đề của Trần Khánh T 03 lần, nhưng do không xác định được ghi số đề nào, vào thời gian nào, trong khi đó tiền ông Thuận sử dụng để ghi số đề dưới 05 triệu đồng (250.000 đồng), nên Cơ

quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý ông T4 về tội “Đánh bạc” là đúng pháp luật.

Đối với bà Trần Thị Thùy A là vợ của Trần Khánh T, có hành vi cho Trung sử dụng tài khoản 060143898353 của chị A mở tại Ngân hàng Sacombank, nhưng do bà A không biết Trung sử dụng tài khoản của mình để chuyển tiền ghi số đề cho Lê Ngọc P, nên không có căn cứ xử lý chị A về tội “Đánh bạc”, với vai trò đồng phạm.

Đối với bà Nguyễn Thị Thanh M là vợ của Lê Ngọc P, khai biết Phú có hành vi ghi số đề, nhưng do bà M không biết rõ Phú ghi số đề với ai, bao nhiêu tiền, ngoài ra không có chứng cứ chứng minh bà M có liên quan đến hành vi ghi số đề với Trần Khánh T, nên không có căn cứ xem xét xử lý.

Về vật chứng của vụ án:

1. Thu giữ của Trần Khánh T:

- Đối với số tiền 454.500.000 đồng. Trong đó có 15.000.000 đồng tiền thua số đề của Trần L trả cho Trần Khánh T vào ngày 07/4/2019, cần tịch thu số tiền này sung ngân sách Nhà nước. Số tiền còn lại 439.500.000 đồng là tiền riêng của bị cáo Trung và của bà Trần Thị Thùy A (vợ T), không có chứng cứ xác định liên quan đến hành vi “Đánh bạc”, nên cần trả lại cho bị cáo T và bà A.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng, số imei 354864091866401, gắn sim số 0935580161, không có chứng cứ xác định liên quan đến hành vi “Đánh bạc” nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda SH Mode, biển số 59L2 - 084.33, số máy JF51E0237205, số khung 5123FY015831. Kết quả điều tra xác định đây là tài sản của bà Trần Thị Thùy A (vợ T) mua của ông Nguyễn Huỳnh Đ, nhưng chưa sang tên. Đây là tài sản của bà A, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo T nên trả lại cho bà A.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu tím, số imei 358131090831067, gắn sim số 0939290036 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen, số imei 355359080821003, gắn sim số 0838694669, là điện thoại của Trần Khánh T sử dụng để chuyển phôi đề nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

2. Thu giữ của Lê Đình T1

- Đối với số tiền 174.000.000 đồng; 400 USD; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu cam, số imei 359770/06/762292/3, gắn sim số 0988691279 và 01 Ipad màu vàng hồng, số Imei 359273060365483 là tài sản của Lê Đình T1, không có chứng cứ xác định liên quan đến hành vi “Đánh bạc” nên trả lại cho bị cáo T1.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda SH, biển số 54L4-5555, số máy F08E - 1002885, số khung 0A09F - 002962. Kết quả điều tra xác định xe là tài sản của

bà Lê Thị Bích V (chị ruột của T1) mua của cửa hàng mua bán xe máy Kim Hà (địa chỉ số 426A Nơ Trang Long, Phường 13, quận Bình Thạnh), nhưng chưa sang tên, bà V cho T1 mượn xe để sử dụng, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo T1 nên cần trả lại chiếc xe trên cho bà Lê Thị Bích V.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng, số imei 359412085410565, gắn sim số 0938681661 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 màu xám, số imei 354832096188881, gắn sim số 0936111155, là tài sản của Lê Đình T1 sử dụng để nhận phôi đề và cá độ bóng đá nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

3. Thu giữ của Trần L:

- Đối với số tiền 14.500.000 đồng. Trong đó có 7.010.000 đồng sử dụng trả tiền thua số đề ngày 08/4/2019 cho Trần Khánh T, cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Số tiền còn lại là 7.490.000 đồng và 01 thẻ ngân hàng Sacombank là tài sản của Trần L, không có chứng cứ xác định liên quan đến hành vi “Đánh bạc” nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen, số Imei 355357080928943, gắn sim số 0903921383, là tài sản của Trần L sử dụng để nhận và chuyển phôi đề nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

4. Thu giữ của ông Lê Văn T4:

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu hồng, số imei 357766/07/004002/2/01; 357767/07/004002/0/01, gắn sim số 0826798159 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, số seri 359727040297777, là tài sản của ông Lê Văn T4, không có chứng cứ xác định liên quan đến hành vi “Đánh bạc” nên trả lại cho ông Lê Văn T4.

5. Thu giữ của Lê Ngọc P.

- Số tiền 7.000.000 (bảy triệu đồng) đồng; 01 máy tính hiệu Casio Dx1205, 03 cây bút bi; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng đồng, Imei: 354403060231691 (không có thẻ sim); 01 thẻ Ngân hàng Agribank tên Lê Ngọc P. Thời điểm khám xét Lê Ngọc P không có mặt tại nhà, không xác định được đang ở đâu, nên chưa ghi được lời khai. Chị Nguyễn Thị Thanh M là vợ của P khai toàn bộ là tài sản của P, trong đó điện thoại di động P sử dụng để ghi số đề. Các tài sản này có dấu hiệu liên quan đến việc ghi số đề nên cần chuyển cho cơ quan điều công an Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết.

Tiếp tục lưu giữ cùng hồ sơ vụ án 03 đĩa CD trích xuất dữ liệu phục hồi từ các điện thoại di động thu giữ; 01 cuốn sổ tay có nội dung liên quan đến hành vi ghi số đề (thu giữ của Trần Khánh T); 01 tờ giấy A4 có nội dung liên quan đến hành vi cá độ bóng đá và 01 bản sao kê Ngân hàng ACB tên Nguyen Kim Quyên (thu giữ của Lê Đình T1).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 321; Điều 38; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Khánh T 08 (tám) tháng 02 (hai) ngày tù về tội: “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2019 đến ngày 13/12/2019. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Phạt bị cáo Trần Khánh T số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 321; Điều 38; điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Đình T1 08 (tám) tháng 08 (tám) ngày tù về tội: “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2019 đến ngày 19/12/2019. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Phạt bị cáo Lê Đình T1 số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần L 08 (tám) tháng 02 (hai) ngày tù về tội: “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2019 đến ngày 13/12/2019. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

- Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Trần Khánh T là 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng.

(Bị cáo T đã nộp đủ 110.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2019/0091777, ngày 11/5/2020 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

+ Tịch thu số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Lê Đình T1 là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

(Bị cáo Thông đã nộp đủ 30.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2019/0091770, ngày 08/5/2020 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

+ Buộc bị cáo Trần L phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

- *Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:*

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu tím, số imei: 358131090831067.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu đen, số imei: 355359080821003 (imei ở khay sim).

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, số imei: 359412085410565 (imei ở khay sim).

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu xám, số imei: 354832096188881 (imei ở khay sim).

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, số imei: 355357080928943 (imei ở khay sim).

+ Số tiền 22.010.000 (hai mươi hai triệu không trăm mười ngàn) đồng.

- *Trả lại cho bị cáo Trần Khánh T:* 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, số imei 354864091866401 (imei ở khay sim).

- *Trả lại cho bị cáo Trần Khánh T và bà Trần Thị Thùy A:* Số tiền 439.500.000 (bốn trăm ba mươi chín triệu năm trăm ngàn) đồng.

- *Trả lại bà Trần Thị Thùy A:* 01 (một) xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu: Honda, loại xe: 02 bánh, số loại: SH Mode, biển số: 59L2-084.33, số khung: RLHJF5123FY015831 (ghi theo số cà), số máy: JF51E0237205.

- *Trả lại cho bị cáo Lê Đình T1:* 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu cam, số imei 1: 359770/06/762292/3 (nắp lưng bể); 01 (một) Ipad màu vàng hồng, số Imei: 359273060365483 (Serial: ...R1GHMQ, không kiểm tra được imei do không có nguồn điện) và số tiền 174.000.000 (một trăm bảy mươi bốn triệu) đồng và 400 (bốn trăm) USD.

- *Trả lại bà Lê Thị Bích V:* 01 (một) xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu: Honda, loại xe: 02 bánh, số loại: SH, biển số: 54L4-5555, số khung: ZDCKF10A09F-002962 (số mờ, ghi theo số cà), số máy: KF08E-1002885-KTGE1 (ghi theo số cà).

- *Trả lại cho bị cáo Trần L:* Số tiền 7.490.000 (bảy triệu bốn trăm chín mươi ngàn) đồng và 01 (một) thẻ ngân hàng Sacombank.

- *Trả lại cho ông Lê Văn T4:* 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu hồng, số imei: 357766/07/004002/2/01; 357767/07/004002/0/01 (màn hình bể, thực nhận số imei: 357766/07/004002/2; 357767/07/004002/0); 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1280, số seri: 359727040297777.

Chuyển cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết: 7.000.000 (bảy triệu) đồng; 01 (một) máy tính hiệu Casio Dx120S; 03 (ba) cây bút bi; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng đồng, Imei: 354403060231691; 01 (một) thẻ ATM, chủ thẻ tên Lê Ngọc Phú thu giữ của Lê Ngọc Phú.

Tiếp tục lưu giữ cùng hồ sơ vụ án 03 (ba) đĩa CD trích xuất dữ liệu phục hồi từ các điện thoại di động thu giữ; 01 (một) cuốn sổ tay có nội dung liên quan đến hành vi ghi số đề; 01 (một) tờ giấy A4 có nội dung liên quan đến hành

vi cá độ bóng đá và 01 (một) bản sao kê Ngân hàng ACB tên Nguyen Kim Quyen.

(Theo biên bản giao nhận tang tài vật số: 147/20, ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy nộp tiền vào tài khoản số: 3949.0.1051775.00000, tại kho bạc Nhà nước Quận 10, ngày 08/5/2019; Chứng nhận nộp tiền, số HD-Invoice No: 220519.2770.0006 ngày 22/5/2019).

- Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND-TP.HCM; (3)
- Cục THA-DS; (1)
- THA HS; (4)
- Phòng PC53 - CA Tp. HCM; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Trại giam; (3)
- Bị cáo; (3)
- Luật sư; (2)
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (4)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (3)
- Lưu, hình sự, hồ sơ; (35) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Viết Hùng